KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	5,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần — 2024: **456** tỷ VNĐ — YoY ▲ 27.0 ▲ 6.4%

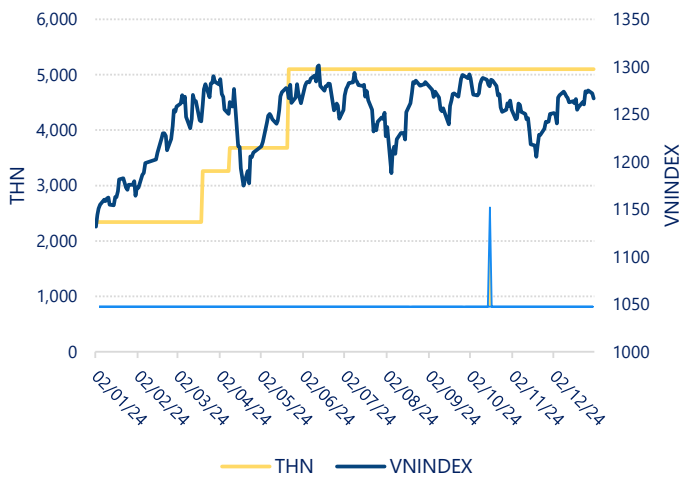
LN gộp — 2024: **143** tỷ VNĐ

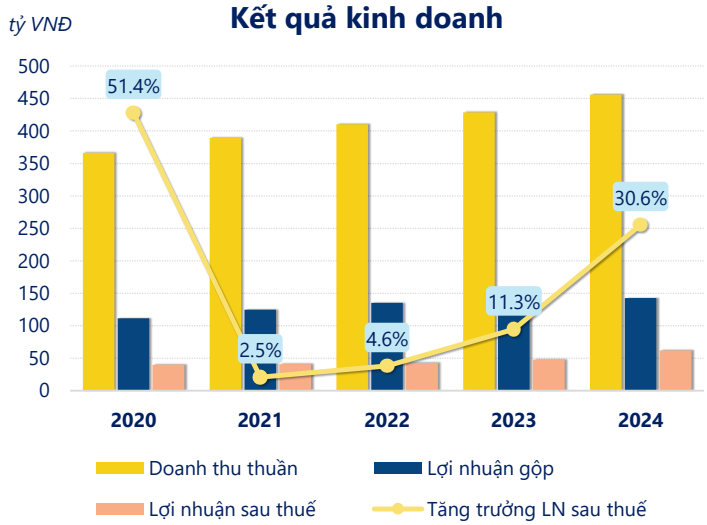
LN thuần — 2024: **67.8** tỷ VNĐ — YoY ▲ 7.40 ▲ 12.2%

LN sau thuế — 2024: **62.1** tỷ VNĐ — YoY ▲ 14.5 ▲ 30.6%

ROE — 2024: **14.9%** — +/- YoY ▲ 3.0%

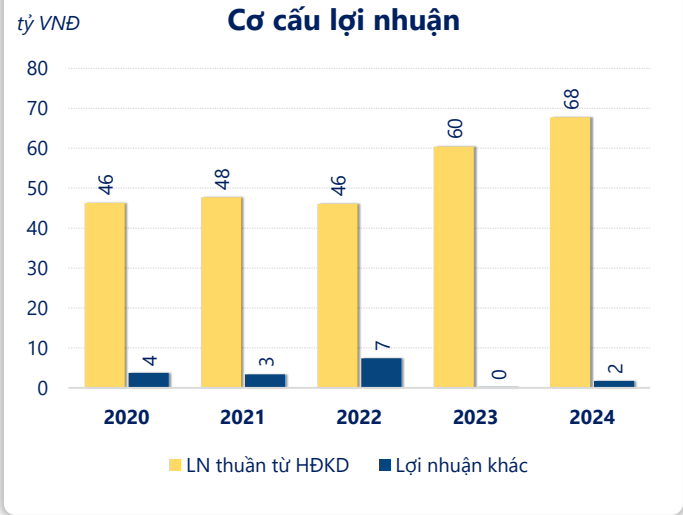
ROA — 2024: **9.0%** — +/- YoY ▲ 2.1%

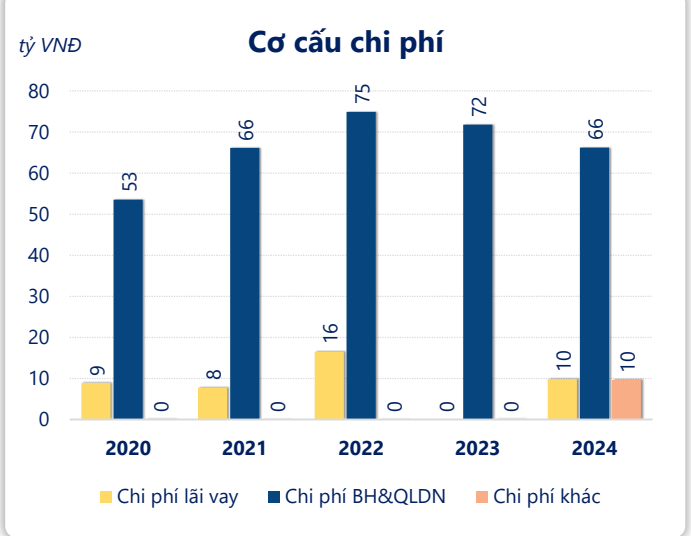




Năm **2024**, **THN** ghi nhận doanh thu thuần **456.1** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **62.15** tỷ đồng, lần lượt **tăng 6.44%** và **tăng 30.6%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **14.9%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

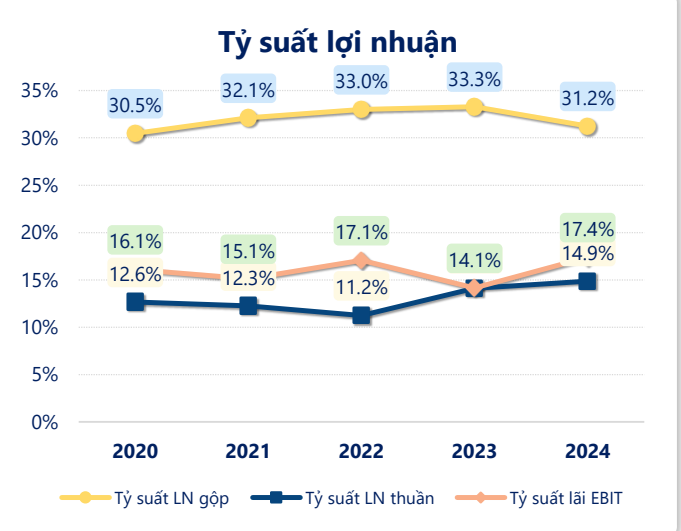


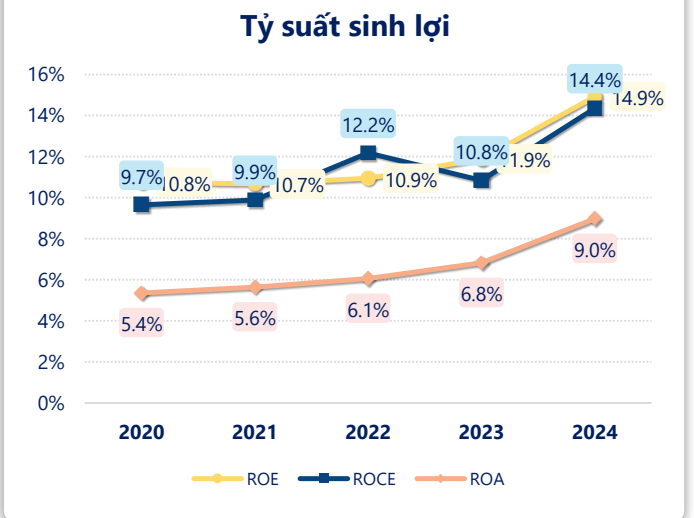


Năm **2024**, **THN** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **67.79** tỷ đồng, **tăng lên 7.39** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (53.67 tỷ đồng) là 14.13 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

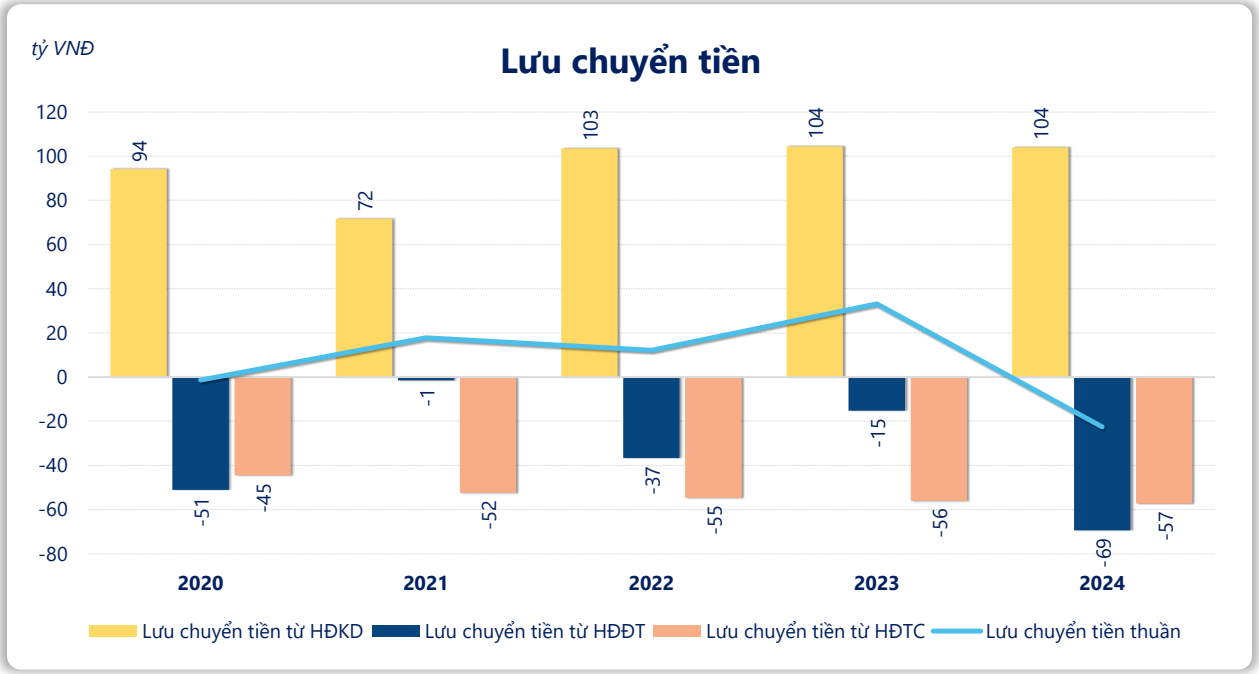
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **9.82** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **66.21** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **9.59** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của THN năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **14.9%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**366**	**389**	**410**	**429**	**456**
Giá vốn hàng bán	255	264	275	286	314
Lợi nhuận gộp	**112**	**125**	**135**	**143**	**143**
Doanh thu HĐTC	5.72	3.83	2.12	2.98	1.30
Chi phí TC	17.5	14.9	16.5	13.5	9.82
Chi phí lãi vay	**8.90**	**7.70**	**16.5**	**0**	**9.82**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	28.7	31.5	36.2	40.7	39.1
Chi phí QLDN	24.8	34.6	38.7	31.1	27.1
LN thuần từ HĐKD	**46.3**	**47.7**	**46.1**	**60.4**	**67.8**
Lợi nhuận khác	3.72	3.36	7.40	0.21	1.71
LN trước thuế	**50.1**	**51.1**	**53.5**	**60.6**	**69.5**
Lợi nhuận sau thuế	**39.9**	**40.8**	**42.7**	**47.6**	**62.1**
LNST của CĐ cty mẹ	**39.9**	**40.8**	**42.7**	**47.6**	**62.1**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của THN bằng **-22.54** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (33.15 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **104.1** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-69.34** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-57.27** tỷ đồng.